

iPodでとにかく使えるベトナム語mini

- ☐ プリントして、学習チェック用にお使いください。
- ☐ 各ページに3本の点線が入っています。この点線で折り曲げて、暗記に役立ててください。
- ☐ それぞれの言葉にチェックBOXが3つ付けてあります。学習の進展をチェックする際に使ってください。
- ☐ 書籍版「旅の指さし会話帳miniベトナム」に準拠した内容ですので、重要なフレーズや単語、数字等は複数回にわたり登場します。いずれもとくに重要な言葉ばかりです。何度も耳にしておきましょう。

iPodでとにかく使えるベトナム語 mini

(および「iPodでとにかく使えるベトナム語 mini 付録 PDF」)

2011年11月 発行

書籍原作：池田浩明 (『旅の指さし会話帳 mini ベトナム』)

発行・発売：情報センター出版局

〒160-0004 東京都新宿区四谷 2-1

TEL:03-3358-0231 FAX:03-3358-0219

info@4jc.co.jp

www.4jc.co.jp

www.yubisashi.com

©2011 Hiroaki Ikeda, Joho Center Publishing Co.,Ltd.

※本製品(本PDF含む)の一部または全部を複写・複製・改変すること、また第三者への販売、譲渡、レンタルを行うことは、その形態を問わず禁止いたします。

※本PDFは購入された方のプリントアウトのみ許諾されます。PDFよりデータを取り出す行為はお断りいたします。

※「旅の指さし会話帳」は株式会社情報センター出版局の登録商標です。

※その他、記載されている会社名、製品名は各社の登録商標です。iPodはApple Inc.の商標です。

※本商品では各社の登録商標または商標に付加する®、TMマークは省略しています。

※「iPodでとにかく使えるベトナム語mini」は、独立したリスニング・ソフトであり、Apple Inc.が認定、後援、その他承認したものではありません。

まずはこれだけ！ベトナム語・超基本フレーズ20

<input type="checkbox"/>	こんにちは (おはよう・こんばんは・さようなら)	Xin chào シンチャオ
<input type="checkbox"/>	はじめまして	Rất hân hạnh được gặp bạn ザッハンハン ドウオッ ガップ バン
<input type="checkbox"/>	すみません！	anh ơi / chị ơi アインオーイ / チオーイ
<input type="checkbox"/>	ありがとう	Cám ơn カームオン
<input type="checkbox"/>	ごめんなさい	Xin lỗi シンローイ
<input type="checkbox"/>	気にしないで	Không sao đâu ホンサーオ ダウ
<input type="checkbox"/>	さようなら	Tạm biệt タンビエツ
<input type="checkbox"/>	はい	Vâng/Dạ ヴァン / ヤー
<input type="checkbox"/>	いいえ	Không コン

<input type="checkbox"/>	～をください	Cho tôi~ チョートイ～
<input type="checkbox"/>	写真を撮ってください	Vui lòng chụp ảnh cho tôi. ヴィロンチュップアインチョートイ
<input type="checkbox"/>	この本を見てください	Vui lòng xem sách này. ヴィロンセムサックナイ
<input type="checkbox"/>	～はどこですか？	~ở đâu? ～オーダウ
<input type="checkbox"/>	～に行きたいです	Tôi muốn đi đến~ トイ ムオンディーデー～
<input type="checkbox"/>	このお店に	cửa hàng này クアハンナイ
<input type="checkbox"/>	～ホテル	khách sạn ~ カックサン～
<input type="checkbox"/>	トイレ	nhà vệ sinh ニャーヴェシン
<input type="checkbox"/>	タクシー	taxi タックシー
<input type="checkbox"/>	入口	lối vào ロイヴァオ

☐
☐
☐

出口

lối ra

ロイザー

お役立ち＜お金＞フレーズ

☐
☐
☐

いくらですか？

Bao nhiêu tiền?

バオニユーティエン

☐
☐
☐

これをください

Cho tôi cái này

チョートイカイナイ

☐
☐
☐

値段を書いてください

Hãy viết giá tiền.

ハイヴィエツァーティエン

☐
☐
☐

～ベトナムドン

~đồng Việt Nam

～ドン ヴィエツナーム

☐
☐
☐

安くなりませんか？

Giảm giá được không?

ザームザー ドウオックホン

☐
☐
☐

両替したいです

Tôi muốn đổi tiền.

トイムオン ドーイティエン

☐
☐
☐

クレジットカードで払えますか？

Trả bằng thẻ tín dụng được không?

チャーバンテーティンズン ドウオックホン

☐
☐
☐

0

không

ホン

☐
☐
☐

1

một

モツ

☐
☐
☐

2

hai

ハーイ

☐
☐
☐

3

ba

バー

☐
☐
☐

4

bốn

ボン

☐
☐
☐

5

năm

ナーム

☐
☐
☐

6

sáu

サウ

☐
☐
☐

7

bảy

バイ

☐
☐
☐

8

tám

ターム

☐
☐
☐

9

chín

チン

☐
☐
☐

10

mười

ムオーイ

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	100	trăm
				チャム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	高い	đắt/mắc
				ダツ / マツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	アメリカドル	Đôla Mỹ (USD)
				ドラーミー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	サイン	chữ ký
				チューキー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	安い	rẻ
				ゼー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	日本円	Tiền Yên Nhật
				ティエン イエン ニヤツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	定価販売	bán giá cố định (không mặc cả)
				バンザーコーディン(ホンマッカー)
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	500,000ドン	Năm trăm nghìn đồng
				ナムチャムギンドン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	200,000ドン	Hai trăm nghìn đồng
				ハイチャムギンドン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	100,000ドン	Một trăm nghìn đồng
				モツチャムギンドン

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	50,000ドン	Năm mươi nghìn đồng
				ナムムオイギンドン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	20,000ドン	Hai mươi nghìn đồng
				ハイムオイギンドン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	10,000ドン	Mười nghìn đồng
				ムオイギンドン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	5,000ドン	Năm nghìn đồng
				ナムギンドン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2,000ドン	Hai nghìn đồng
				ハイギンドン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1,000ドン	Một nghìn đồng
				モツギンドン
空港・ホテル				
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	こんにちは	Xin chào
				シンチャーオ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～の調子が悪い	～ bị hỏng.
				～ ビ ホン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	荷物を預かってもらえますか？	Giữ hành lý này cho tôi được không?
				ズウ ハイНРリーナイ チョートイドウオツ コン

空港

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	入国の目的は？	Mục đích nhập cảnh là gì?
<input type="checkbox"/>			ムツディツ ニヤップカインラージー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	観光です	du lịch
<input type="checkbox"/>			ズーリック
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～はどこですか？	~ở đâu?
<input type="checkbox"/>			～オーダウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	入国審査場	bàn thủ tục nhập cảnh
<input type="checkbox"/>			バン トゥートゥク ニヤプカイン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	案内所	phòng hướng dẫn
<input type="checkbox"/>			フォン フォンザン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	乗りかえ	quá cảnh (chuyển chuyến bay)
<input type="checkbox"/>			クアカイン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	荷物受け取り	nơi nhận hành lý
<input type="checkbox"/>			ノイ ニャンハインリー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	両替	đổi tiền
<input type="checkbox"/>			ドーイティエン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	免税店	cửa hàng miễn thuế
<input type="checkbox"/>			クアハン ミエン トウエー

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	公衆電話	điện thoại công cộng
<input type="checkbox"/>			ディエントアイ コンコン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	トイレ	nhà vệ sinh
<input type="checkbox"/>			ニャーヴェシン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	警察	công an
<input type="checkbox"/>			コンアーン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	喫煙所	phòng hút thuốc
<input type="checkbox"/>			フォン フツ トウツク
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	禁煙	cấm hút thuốc
<input type="checkbox"/>			カム フツ トウツク
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～をなくしました	Tôi bị mất ~.
<input type="checkbox"/>			トイビマツ ～
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	クレームタグ	Phiếu hành lý ký gửi
<input type="checkbox"/>			フィウハインリーキーグーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	航空券	vé máy bay
<input type="checkbox"/>			ヴェーマイバイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	パスポート	hộ chiếu
<input type="checkbox"/>			ホ チウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	荷物がでできません	Hành lý chưa ra.
<input type="checkbox"/>			ハインリーチュアザー

<input type="checkbox"/>		phòng hút thuốc
<input type="checkbox"/>	喫煙所	フォン フツ トウツク
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Có thể soạn tiếng Nhật được không?
<input type="checkbox"/>	日本語入力はできますか?	コーターソアン ティンニャツ ドウオツホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Lỗi font chữ
<input type="checkbox"/>	文字化けします	ローイ フォンチュー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Làm ơn hãy in hộ tôi.
<input type="checkbox"/>	プリントアウトをお願いします	ラムオン ハイインホトーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Tôi muốn gọi điện thoại quốc tế.
<input type="checkbox"/>	国際電話をかけたいです	トイムオンゴイディエントアイ クオックテー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Có thể gọi cho tôi số này không?
<input type="checkbox"/>	この番号にかけてもらえますか?	コーターゴイチョートイ ソーナイホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Làm ơn đặt chỗ cửa hàng này.
<input type="checkbox"/>	お店の予約をお願いします	ラムオン ダッチョークアハンナイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Ở gần đây có ~ không?
<input type="checkbox"/>	この近くに~はありますか?	アーガンディコー ~ コン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Nơi đổi tiền
<input type="checkbox"/>	両替ができるところ	ノイドーイティエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Có mở cửa đến khuya.
<input type="checkbox"/>	遅くまで開いている	コーモークア デンフヤ
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		cửa hàng tiện lợi
<input type="checkbox"/>	コンビニ	クアハン ティエンロイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tiệm thuốc
<input type="checkbox"/>	薬局	ティエムトウオック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		~ ưa thích
<input type="checkbox"/>	おすすめの~	~ウアティツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tiệm mát xa
<input type="checkbox"/>	マッサージ店	ティエム マッサー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		cửa hàng ăn
<input type="checkbox"/>	飲食店	クアハンアン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Gọi tắc xi cho tôi
<input type="checkbox"/>	タクシーを呼んでください	ゴイタックシーチョートイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Xin hãy viết địa chỉ bằng tiếng Việt.
<input type="checkbox"/>	この住所をベトナム語で書いてください	シン ハイヴィエッディアチャー バンティンヴィエッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Tôi muốn trả phòng.
<input type="checkbox"/>	チェックアウトしたいです	トイムオンチャーフォン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Giữ hành lý này cho tôi được không?
<input type="checkbox"/>	この荷物を預かってもらえますか?	ズウ ハインリーナイ チョートイドウオツ コン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Internet
<input type="checkbox"/>	インターネット	インタネッ
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		Mini bar
<input type="checkbox"/>	ミニバー	ミニバー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		phục vụ ăn tại phòng
<input type="checkbox"/>	ルームサービス	フックヴ アンタイフォン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đã sử dụng
<input type="checkbox"/>	使いました	ダースーズン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		không sử dụng
<input type="checkbox"/>	使っていません	ホンスーズン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		số phòng
<input type="checkbox"/>	部屋番号	ソーフォン
<input type="checkbox"/>		
ホテル施設・備品		
<input type="checkbox"/>		Xin hãy hướng dẫn cách sử dụng.
<input type="checkbox"/>	使い方を教えてください	シンハイフオンザン カックスーズン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		máy điều hòa / máy lạnh
<input type="checkbox"/>	エアコン	マイディエウホア / マイラン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		điện
<input type="checkbox"/>	電気	ディエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Mini Bar
<input type="checkbox"/>	ミニバー	ミニバー
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		điện thoại
<input type="checkbox"/>	電話	ディエン トアイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		ti vi
<input type="checkbox"/>	テレビ	ティービー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tủ lạnh
<input type="checkbox"/>	冷蔵庫	トゥーライン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		vòi hoa sen
<input type="checkbox"/>	シャワー	ヴォーイホアセーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		khóa
<input type="checkbox"/>	鍵	ホアー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		két sắt
<input type="checkbox"/>	金庫	ケッサツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		~ bị hỏng.
<input type="checkbox"/>	~の調子が悪いです	~ ビホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Đổi phòng được không?
<input type="checkbox"/>	部屋をかえてくれませんか?	ドーイフォンドウオックホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Nước trong nhà vệ sinh không chảy.
<input type="checkbox"/>	トイレが流れない	ヌオックチョン ニャーヴェシン ホンチャイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Không có nước nóng
<input type="checkbox"/>	お湯がでない	ホンコーヌオックノン
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		Tôi đã để quên chìa khóa trong phòng.
<input type="checkbox"/>	鍵を部屋に置いてきてしまった	トイダー デークエンチアホア チョンフォン
<input type="checkbox"/>		Có ~ không?
<input type="checkbox"/>	～はありますか？	コー～コン
<input type="checkbox"/>		Phải trả tiền
<input type="checkbox"/>	有料です	ファーチャーティエン
<input type="checkbox"/>		máy sấy tóc
<input type="checkbox"/>	ドライヤー	マイ サイトック
<input type="checkbox"/>		bàn là
<input type="checkbox"/>	アイロン	バンラー
<input type="checkbox"/>		máy biến áp
<input type="checkbox"/>	変圧器	マイヴィエンアップ
<input type="checkbox"/>		bàn chải đánh răng
<input type="checkbox"/>	歯ブラシ	バンチャーイダイザン
<input type="checkbox"/>		dầu gội đầu
<input type="checkbox"/>	シャンプー	ザウ ゴイダウ
<input type="checkbox"/>		xà phòng
<input type="checkbox"/>	せっけん	サーフォン
<input type="checkbox"/>		chăn
<input type="checkbox"/>	毛布	チャン

<input type="checkbox"/>		khăn
<input type="checkbox"/>	タオル	カン
<input type="checkbox"/>		ga trải giường
<input type="checkbox"/>	シーツ	ガーチャーイズオン
<input type="checkbox"/>		giấy vệ sinh
<input type="checkbox"/>	トイレットペーパー	ザイ ヴェシン
<input type="checkbox"/>		thuốc
<input type="checkbox"/>	薬	トゥオック
<input type="checkbox"/>		bản đồ tiếng Nhật
<input type="checkbox"/>	日本語の地図	バンドー ティンニャツ
<input type="checkbox"/>		Có làm việc không?
<input type="checkbox"/>	やっていますか？	コーラムヴィエツホン
<input type="checkbox"/>		Từ mấy giờ?
<input type="checkbox"/>	何時から？	トゥーマイゾー
<input type="checkbox"/>		Đến mấy giờ?
<input type="checkbox"/>	何時まで？	デンマイゾー
<input type="checkbox"/>		ăn sáng
<input type="checkbox"/>	朝食	アンサン
<input type="checkbox"/>		spa
<input type="checkbox"/>	スパ	スパー

☐
☐
☐

プール

bể bơi

ペーボーイ

移動

☐
☐
☐

～に行きたい

Tôi muốn đi đến ~

トイ ムオンディーデーン～

☐
☐
☐

タクシーを呼んでください

Gọi taxi cho tôi

ゴイタックシーチョートイ

☐
☐
☐

ここで降りしてください

Cho tôi xuống đây.

チョートイ スオンディ

歩く

☐
☐
☐

～に行きたいです

Tôi muốn đi đến ~.

トイムオンディーデン～

☐
☐
☐

すみません(呼びかけの言葉) 男性
に/女性に

Anh ơi / Chị ơi

アインオーイ / チオーイ

☐
☐
☐

レストラン

nhà hàng

ニャーハン

☐
☐
☐

食堂

quán ăn/tiệm ăn

クアン アン/ティエ ムアン

☐
☐
☐

カフェ

cà phê

カフェー

☐
☐
☐

スーパー

trung tâm mua sắm

チュン タム ムア サム

☐
☐
☐

市場

chợ

チョ

☐
☐
☐

～ホテル

khách sạn~

カックサン～

☐
☐
☐

本屋

hiệu sách

ヒウサツ

☐
☐
☐

銀行

ngân hàng

ガンハーン

☐
☐
☐

博物館

bảo tàng

バオタン

☐
☐
☐

マッサージ店

tiệm mát xa

ティエム マッサー

☐
☐
☐

カラオケ

karaoke

カラオケー

☐
☐
☐

病院

bệnh viện

ベンビエン

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	tiệm thuốc
<input type="checkbox"/>	薬局		ティエムトゥオック
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	nhà vệ sinh
<input type="checkbox"/>	トイレ		ニャーヴェシン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	đường~
<input type="checkbox"/>	~通り		ドウオン~
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Tôi muốn đi đến quán này.
<input type="checkbox"/>	このお店へ行きたいです		トイムオンディーデン クアンナイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Tôi bị lạc đường
<input type="checkbox"/>	道に迷いました		トイビ ラックドウオン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Bạn đi đâu đấy?
<input type="checkbox"/>	どこへ行くの?		バン ディーダウダイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Chỗ này là chỗ nào?
<input type="checkbox"/>	ここはどこですか?		チョーナイラー チョーナオ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Hãy nhìn cái này.
<input type="checkbox"/>	これを見てください		ハイニンカイナイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Chỗ ~gần nhất ở đâu?
<input type="checkbox"/>	一番近くの~はどこですか?		チョー ~ ガンニャッアーダウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Hãy viết vào bản đồ này.
<input type="checkbox"/>	この地図に書いてください		ハイヴィエツヴァオバンダーナイ

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	gần
<input type="checkbox"/>	近い		ガン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	xa
<input type="checkbox"/>	遠い		サー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Đi bộ mất ~ phút.
<input type="checkbox"/>	歩いて~分くらい		ディーボ マッ ~ フッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	một
<input type="checkbox"/>	1		モッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ba
<input type="checkbox"/>	3		バー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	năm
<input type="checkbox"/>	5		ナーム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	mười
<input type="checkbox"/>	10		ムオーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	hai mươi /hai chục
<input type="checkbox"/>	20		ハイムオーイ/ハイチュック
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ba mươi
<input type="checkbox"/>	30		バームオイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Đi bằng taxi thì hơn.
<input type="checkbox"/>	タクシーで行った方がいい		ディーバンタックシー ティーホーン

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	まっすぐ行く	đi thẳng
				ディータン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	戻る	quay lại
				クアイライ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	右側	bên phải
				ベンファアイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	左側	bên trái
				ベンチャーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	向こう側	bên kia
				ベンキア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	こちら側	bên này
				ベンナイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	交差点	ngã tư
				ガートウー
タクシー				
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	タクシーに乗りたい	Tôi muốn đi bằng tắc xi.
				トイ ムオンディーバン タックシー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	タクシーを呼んでください	Gọi tắc xi cho tôi.
				ゴイタックシーチョートイ

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	どこへ行きますか？	Bạn đi đâu?
				バン ディーダウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	この辺りでは、なかなかタクシーは ひろえません	Xung quanh đây khó tìm taxi lắm.
				スンクアインディ コーティムタクシーラム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～に行きたい	Tôi muốn đi đến~
				トイ ムオンディーデーン~
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ここに行きたいです	Tôi muốn đi đến chỗ này.
				トイムオンディーデン チョーナイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	この住所までお願いします	Vui lòng chờ đến địa chỉ này.
				ヴィロンチョーデン ディアチーナイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	どのくらい時間がかかりますか？	Mất khoảng bao lâu?
				マッ ホアンバオロー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～時間くらい	khoảng ~ tiếng
				ホアン ~ ティエン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～分間くらい	khoảng ~ phút
				ホアン ~ フッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～時に迎えにきてください	Vui lòng đón tôi lúc ~ giờ.
				ヴィロンドントイ ルック ~ ゾー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	トランクに荷物をのせたいです	Tôi muốn để hành lý đằng sau cốp xe.
				トイムオンデーハインリー ダンサウカップセー

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	いくらですか？	Bao nhiêu tiền?
				バオニューティエン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～ベトナムドン	~đồng Việt Nam
				～ドン ヴィエツナーム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～ベトナムドンくらい	khoảng ~ đồng Việt Nam
				ホアン ～ ドンヴィエツナーム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ここから～まで、いくらかかりますか？	Từ đây đến~anh đi hết bao nhiêu tiền?
				トゥーデイ デン～ アイン ディーヘツバオニューティエン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	メーターを使って！	Dùng đồng hồ tính tiền
				ズンドンホーティンティエン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	遠回りしないでください	Đừng có đi lòng vòng.
				ドゥンコーディーロンヴォン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ここで待っていてください	Hãy đợi tôi ở đây.
				ハイドイトイアーデイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	急いでください	Đi nhanh lên nhé
				ディーニャインレンニャ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ゆっくり走ってください	Đi từ từ thôi
				ディー トウトウトーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～には行けません	Không được đi đến ~.
				ホンドウツ ディーデン～

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	一方通行	đường một chiều
				ドゥオン モッチウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	通行止め	không được đi qua
				ホンドウオックヂークア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	渋滞	tắc đường
				タックドゥオン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ここで止めてください	Hãy dừng lại ở đây.
				ハイズンライアーデイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	降ります	Xuống ở đây.
				スオン アーデイ
乗り物				
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～に乗りたいです	Tôi muốn đi bằng ~.
				トイムオンディーバン ～
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	どこで乗れますか？	Tôi có thể đi được ở đâu?
				トイコーテーディードゥオッアードウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	バイクタクシー	xe ôm
				セオム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～に行ってください	Đi đến~
				ディーデン～

<input type="checkbox"/>		Từ đây đến~anh đi hết bao nhiêu tiền?
<input type="checkbox"/>	ここから～までいくらで行きますか?	トゥーダイ デン～ アイン ティーヘツパオニューティエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Hãy viết giá tiền.
<input type="checkbox"/>	値段を書いてください	ハイヴィエツザーティエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Giảm giá được không?
<input type="checkbox"/>	安くしてよ	ザームザー ドクオックホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		~đồng được không?
<input type="checkbox"/>	～ドンにしてよ	～ドン ドウオックホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Dừng lại!
<input type="checkbox"/>	止まって!	ズンライ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Cho tôi xuống đây
<input type="checkbox"/>	降ろしてください	チョートイスオンディ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		xe buýt
<input type="checkbox"/>	バス	セブイッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Xe này có đi ~ không?
<input type="checkbox"/>	このバスは～に行きますか?	セーナイコーディー ～ ホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Hãy cho tôi bản đồ tuyến xe buýt.
<input type="checkbox"/>	バスの路線図をください	ハイチョートイバンドートウェン セブイッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Trạm xe buýt ở đâu?
<input type="checkbox"/>	バス停はどこですか?	チャム セブイッアーダウ
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		xe lửa
<input type="checkbox"/>	列車	セルーア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Ở đâu bán vé đi~?
<input type="checkbox"/>	～行きの切符はどこで買えますか?	アーダウ バンヴェーディー～
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Ở đây có bán vé đi~không?
<input type="checkbox"/>	～行きの切符はありますか?	アーディ コーバンヴェーディー ～ホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đặt chỗ
<input type="checkbox"/>	予約する	ダッチョー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		cho ○ người
<input type="checkbox"/>	○人分	チョー○グオイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		ngày △ tháng ○
<input type="checkbox"/>	○月△日	ガイ△タン○
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		○giờ △ phút
<input type="checkbox"/>	○時△分	○ゾー△フツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Vé một chiều
<input type="checkbox"/>	片道	ヴェー モッチウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Vé khứ hồi
<input type="checkbox"/>	往復	ヴェー クーホイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Chỗ này là chỗ nào?
<input type="checkbox"/>	ここはどこですか?	チョーナイラー チョーナオ
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～はまだ着きませんか？	Sắp đến ~ chưa?
				サブデン ～ チュア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	次の駅は何駅ですか？	Ga tiếp theo là ga nào?
				ガーティエップテーオ ラー ガーナーオ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～に着いたら教えてください	Vui lòng cho tôi biết khi đến ~.
				ヴィロン チョートイビエツ ヒーデン ～
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	まだです	chưa đến.
				チュアデン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	もう過ぎた	đi quá rồi
				ディークアゾーイ
観光				
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～を見たい	Tôi muốn xem ~
				トイムオンセーム ～
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	トイレはどこですか？	Nhà vệ sinh ở đâu?
				ニャーヴェシン アーダウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	これは何ですか？	Cái này là cái gì ?
				カイナイラーカイジー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		

ホーチミン市				
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～に行きたい	Tôi muốn đi đến~
				トイ ムオンディーデーン～
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	写真を撮ってください	Vui lòng chụp ảnh cho tôi.
				ヴィロンチュップアインチョートイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	写真を撮ってもいいですか？	Tôi có thể chụp ảnh được không?
				トイコーテーチュップアインドウオックホン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	一緒に写真を撮りましょう	Chúng ta chụp cùng nhé.
				チュンタークンチュップチュンニエー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	写真撮影は禁止です	Cấm chụp ảnh.
				カムチュップアイン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	統一会堂	Hội trường Thống Nhất
				ホイ チュオン トンニャツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	聖マリア教会(サイゴン大教会)	Nhà thờ Đức Bà
				ニャートー ドウックバー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	中央郵便局	Bưu điện Thành phố
				ブーディエン タンフォー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	人民委員会庁舎	UBND TP HCM
				ウイバンニャンザン タンフォー ホーチミン

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Nhà hát Thành phố
<input type="checkbox"/>	市民劇場	ニャーハッ タンフォー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh
<input type="checkbox"/>	ホーチミン市立博物館	バオタン タンフォー ホーチミン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Chợ Bến Thành
<input type="checkbox"/>	ベント市場	チョ ベンタン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Đường Đồng Khởi
<input type="checkbox"/>	ドンコイ通り	ドゥオン ドンコーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Sông Sài Gòn
<input type="checkbox"/>	サイゴン川	ソン サイゴン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Bảo tàng Mỹ thuật
<input type="checkbox"/>	美術博物館	バオタン ミートウアッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh
<input type="checkbox"/>	戦争証跡博物館	バオタン チュンッティ チエンチャイン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Bảo tàng Lịch sử
<input type="checkbox"/>	歴史博物館	バオタン リックスー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Chợ Lớn
<input type="checkbox"/>	チョロン	チョロン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Chợ Bình Tây
<input type="checkbox"/>	ビンタイ市場	チョ ビンタイ

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Sân bay Tân Sơn Nhất
<input type="checkbox"/>	タンソンニャット空港	サンバイ タンソンニャット
ハノイ		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Tôi muốn đi đến~
<input type="checkbox"/>	~に行きたい	トイ ムオンディーデー~
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Cho tôi vé vào.
<input type="checkbox"/>	入場券をください	チョートイヴェーヴァオ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	một vé
<input type="checkbox"/>	1枚	モッヴェー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	hai vé
<input type="checkbox"/>	2枚	ハイヴェー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Nhà Thờ lớn
<input type="checkbox"/>	大教会	ニャートーロン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Nhà Hát Lớn
<input type="checkbox"/>	大劇場	ニャーハッロン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Hồ Hoàn Kiếm
<input type="checkbox"/>	ホアンキエム湖	ホーホアンキエム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Phố cổ
<input type="checkbox"/>	旧市街	フォーコー

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Nhà tù Hỏa Lò
<input type="checkbox"/>	ホアロー刑務所跡	ニャートゥーホアロー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Chợ Đồng Xuân
<input type="checkbox"/>	ドンスアン市場	チョー ドンスアン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Chợ Hôm
<input type="checkbox"/>	ホーム市場	チョー ホーム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Ga Hà Nội
<input type="checkbox"/>	ハノイ駅	ガーハノイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Bảo tàng Thành Phố Hồ Chí Minh
<input type="checkbox"/>	ホーチミン市立博物館	バオタン タンフォー ホーチミン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Bảo tàng Hồ Chí Minh
<input type="checkbox"/>	ホーチミン博物館	バオタン ホーチミン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Lăng Bác Hồ
<input type="checkbox"/>	ホーチミン廟	ランバックホー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Bảo tàng Mỹ Thuật
<input type="checkbox"/>	美術博物館	バオタン ミートウアッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Văn Miếu
<input type="checkbox"/>	文廟	ヴァンミウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Sân bay Nội Bài
<input type="checkbox"/>	ノイバイ空港	サンバイ ノイバーイ

エステ・マッサージ		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Tôi muốn làm ~.
<input type="checkbox"/>	～をしたいと思います	トイムオンラーム ~
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Thư viện
<input type="checkbox"/>	エステ	タム ミーヴィエン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	mát xa
<input type="checkbox"/>	マッサージ	マッサー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	mát xa toàn thân
<input type="checkbox"/>	全身マッサージ	マッサートアンタン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	mát xa chân
<input type="checkbox"/>	フットマッサージ	マッサーチャン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	mát xa mặt
<input type="checkbox"/>	フェイシャルエステ	マッサーマツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bấm huyệt
<input type="checkbox"/>	指圧	バムフェツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	mát xa dùng hương liệu
<input type="checkbox"/>	アロママッサージ	マッサー ズンフオンリウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	xông hơi
<input type="checkbox"/>	サウナ	ソンホーイ

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ネイル	làm móng
				ラムモン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	コースメニューを見せてください	Cho tôi xem các dịch vụ và bảng giá.
				チョートイセム カックチックヴ ヴァー バンザー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	○時間コース	Chương trình tiếng
				チュオンチン ○ ティエン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	△分コース	Chương trình phút
				チュオンチン △ フツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～の予約をしたいです	Tôi muốn đặt ~.
				トイムオンダツ～
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	この店に予約をしてください	Vui lòng đặt chỗ cho tôi.
				ヴィロンダツチャー チョートイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	今日	hôm nay
				ホムナイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	明日	ngày mai
				ガイマーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	○時に	○ giờ
				○ ゾー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	○人	○ người
				○ グオイ

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ホテル～サロンの送迎付きですか？	Có dịch vụ đưa đón từ khách sạn đến salon miễn phí không?
				コージツヴ ドウアドン トゥーカックサンデンサロン ミエンフィーホン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	気持ちいい	dễ chịu
				ゼージウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	もっと強く	mạnh nữa lên
				マインヌアレーン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	弱く	làm nhẹ thôi
				ラムニエトーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	くすぐったい	buồn / nhột
				ブオン / ニョツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	痛い	bị đau
				ビダウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	熱い	nóng
				ノン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～でも大丈夫？	Nếu ~ có sao không?
				ネウ ～ コーサーオホン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	生理中	đang kinh nguyệt
				ダンキングエツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	敏感肌	da nhạy cảm
				ザーニャイカーム

食事

☐ ☐ ☐ ここでは何が一番おいしい？
Ở đây món gì ngon nhất?
アーデイ モンジーゴンニャッ

☐ ☐ ☐ これください
Cho tôi cái này.
チョートイ カイナイ

☐ ☐ ☐ おいしい
Ngon
ゴーン

注文

☐ ☐ ☐ すみません
anh ơi / chị ơi
アインオーイ / チオーイ

☐ ☐ ☐ これをください
Cho tôi cái này
チョートイカイナイ

☐ ☐ ☐ メニューをください
Cho tôi thực đơn / menu
チョートイトウクドーン/メニュー

☐ ☐ ☐ 写真付き/英語/日本語のメニュー
/ ありますか？
Có thực đơn kèm ảnh / tiếng Anh / tiếng Nhật không?
コートウクドンケムアイン/ティンアイン/ティエンニャッ

☐ ☐ ☐ あれは何という料理ですか？
Cái kia là món gì ?
カイキアラーモンジー

☐ ☐ ☐ あれと同じものをください
Cho tôi món giống như thế
チョートイ モンゾンニューテー

☐ ☐ ☐ おすすめの料理はなんですか？
Ở đây có món gì đặc biệt không?
アーデイコーモンジーダックビエッホン

☐ ☐ ☐ あなたがよく行くお店を教えてください
Cho tôi biết quán mà bạn thường hay đi
チョ トイ ビエッ クァン マーバン トゥオーンハイデイ

☐ ☐ ☐ その店はどこにありますか？
Quán đó ở đâu ?
クアンドー アーダウ

☐ ☐ ☐ レストラン
nhà hàng
ニャーハン

☐ ☐ ☐ 食堂
quán ăn/tiệm ăn
クァン アン/ティエ ムアン

☐ ☐ ☐ カフェ
cà phê
カフー

☐ ☐ ☐ 人気店
tiệm nhiều người thích
ティエム ニューグオイティック

☐ ☐ ☐ 雰囲気がいい
khung cảnh đẹp
クンカインデッブ

☐ ☐ ☐ 安い
rẻ
ゼー

<input type="checkbox"/>		Cho tôi~
<input type="checkbox"/>	~を下さい	チョートイ~
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đũa
<input type="checkbox"/>	箸	ドゥア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đĩa nhỏ
<input type="checkbox"/>	小皿	ディアニョー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		thìa
<input type="checkbox"/>	スプーン	ティーア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		nĩa
<input type="checkbox"/>	フォーク	ニーア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		dao
<input type="checkbox"/>	ナイフ	ザーウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		khăn lau tay
<input type="checkbox"/>	おしぼり	カンロウタイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		ống hút
<input type="checkbox"/>	ストロー	オン フット
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		gạt tàn thuốc
<input type="checkbox"/>	灰皿	ガッタン トウオック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Có ngon không ?
<input type="checkbox"/>	おいしいですか？	コーゴンホン
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		~lắm
<input type="checkbox"/>	とても~	~ラーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		ngon
<input type="checkbox"/>	おいしい	ゴーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		không ngon
<input type="checkbox"/>	まずい	ホンゴーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		hơi~
<input type="checkbox"/>	少し~	ホーイ~
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		cay
<input type="checkbox"/>	からい	カイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		ngọt
<input type="checkbox"/>	あまい	ゴッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Nhà vệ sinh ở đâu?
<input type="checkbox"/>	トイレはどこですか？	ニャーヴェシン アーダウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Tính tiền
<input type="checkbox"/>	会計してください	ティンティエン
<input type="checkbox"/>		
有名な料理		
<input type="checkbox"/>		Muốn ăn~
<input type="checkbox"/>	~を食べたい	ムオンアン~
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		Cho tôi cái này
<input type="checkbox"/>	これをください	チョートイカイナイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		gỏi cuốn
<input type="checkbox"/>	生春巻き	ゴーイクオン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		nem / chả giò
<input type="checkbox"/>	揚げ春巻き	ネーム / チャーゾー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		chạo tôm
<input type="checkbox"/>	エビのすり身ちくわ	チャオトーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		gỏi hoa chuối
<input type="checkbox"/>	バナナのつぼみサラダ	ゴーイホアチュオイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		thịt kho
<input type="checkbox"/>	豚肉の角煮	ティツホー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		cá kho tộ
<input type="checkbox"/>	魚のココナッツジュース煮	カーホート
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		cánh gà chiên nước mắm
<input type="checkbox"/>	手羽のヌックマム揚げ	カインガー チエン ヌオックマーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đậu phộng cà chua
<input type="checkbox"/>	豆腐のトマト煮	ダウフ ソッカーチュア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		rau muống xào tỏi.
<input type="checkbox"/>	空芯菜のんにく炒め	ザウムオンサーオ トーイ
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		cơm chiên
<input type="checkbox"/>	チャーハン	コムチエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		trứng chiên
<input type="checkbox"/>	卵焼き	チュンチエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đưa
<input type="checkbox"/>	高菜のつけもの	ズア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Chỉ dùm cho tôi quán ~nào ăn ngon
<input type="checkbox"/>	～がおいしいお店を教えてください	チ ヅーン チョ トイ クァン～ナーオ アン ゴーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Chả cá lã vọng
<input type="checkbox"/>	白身魚の香草炒め(チャーカー)	チャーカーラーヴォン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		chả cốm
<input type="checkbox"/>	もち米のさつま揚げ	チャーコーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		ốc hấp lá gừng nhồi thịt
<input type="checkbox"/>	肉詰めタニシの蒸しもの	オックハップラーグン ニョーイティツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		hến xào
<input type="checkbox"/>	シジミの炒めもの	ヘンサーオ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		cơm sen
<input type="checkbox"/>	ハスの実ごはん	コムセーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		cơm Huế
<input type="checkbox"/>	フエ風混ぜごはん	コムフエ
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		bánh xèo
<input type="checkbox"/>	ベトナム風お好み焼き	
<input type="checkbox"/>		バインセーオ
<input type="checkbox"/>		canh chua
<input type="checkbox"/>	甘酸っぱいスープ	
<input type="checkbox"/>		カインチュア
<input type="checkbox"/>		cá tai tượng chiên xù
<input type="checkbox"/>	象耳魚のディープフライ	
<input type="checkbox"/>		カータイトゥオン チエンスー
<input type="checkbox"/>		Ăn món này như thế nào?
<input type="checkbox"/>	どうやって食べるか教えてください	
<input type="checkbox"/>		アンモンナイ ニューテーナーオー
<input type="checkbox"/>		Món ăn vẫn chưa mang ra.
<input type="checkbox"/>	注文した料理がまだきていません	
<input type="checkbox"/>		モンアン ヴァンチュアマンザー
<input type="checkbox"/>		khai vị / sa lát
<input type="checkbox"/>	前菜／サラダ	
<input type="checkbox"/>		カイヴィ/サーラッ
<input type="checkbox"/>		món thịt
<input type="checkbox"/>	肉料理	
<input type="checkbox"/>		モンティツ
<input type="checkbox"/>		món cá
<input type="checkbox"/>	魚料理	
<input type="checkbox"/>		モンカー
<input type="checkbox"/>		lủ
<input type="checkbox"/>	鍋	
<input type="checkbox"/>		ラウ
<input type="checkbox"/>		súp
<input type="checkbox"/>	スープ	
<input type="checkbox"/>		スップ

<input type="checkbox"/>		cơm
<input type="checkbox"/>	ごはん	
<input type="checkbox"/>		コーム
麺・軽食・おやつ		
<input type="checkbox"/>		Cho tôi~
<input type="checkbox"/>	~をください	
<input type="checkbox"/>		チョートイ~
<input type="checkbox"/>		Cho tôi món giống như thế
<input type="checkbox"/>	あれと同じものをください	
<input type="checkbox"/>		チョートイ モンゾンニューテー
<input type="checkbox"/>		Đừng cho rau thơm
<input type="checkbox"/>	香草を入れないでください	
<input type="checkbox"/>		ドゥンチョー ザウトーム
<input type="checkbox"/>		phở
<input type="checkbox"/>	フォー(米麺)	
<input type="checkbox"/>		フォー
<input type="checkbox"/>		phở bò
<input type="checkbox"/>	牛肉入り	
<input type="checkbox"/>		フォーボー
<input type="checkbox"/>		phở gà
<input type="checkbox"/>	とり肉入り	
<input type="checkbox"/>		フォーガー
<input type="checkbox"/>		phở xào
<input type="checkbox"/>	焼きフォー	
<input type="checkbox"/>		フォーサーオ
<input type="checkbox"/>		bún bò Huế
<input type="checkbox"/>	ブンボーフエ	
<input type="checkbox"/>		ブンボーフエー

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bún chả Hà Nội
<input type="checkbox"/>	ブンチャー	ブンチャーハノイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bún riêu
<input type="checkbox"/>	カニ肉入り汁麺	ブンジウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	mì vằn thắn
<input type="checkbox"/>	ワンタン麺	ミーヴァンタン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	mì xào
<input type="checkbox"/>	焼きそば	ミーサーオ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	mì nước
<input type="checkbox"/>	中華汁麺	ミーヌオツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	miến xào cua
<input type="checkbox"/>	カニ肉入り焼き春雨	ミエン サーオ クア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	cao lầu
<input type="checkbox"/>	ホイアン名物カオラウ	カオラウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bánh đa cua
<input type="checkbox"/>	ハイフォン名物カニ肉入り汁麺	バインダークー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	rau thơm
<input type="checkbox"/>	香草	ザウトーム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	chanh
<input type="checkbox"/>	ライム	チャイン

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ớt
<input type="checkbox"/>	とうがらし	オツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	dấm
<input type="checkbox"/>	酢	ザム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Tôi mang về có được không ?
<input type="checkbox"/>	持ち帰りできますか？	トイ マーン ペー コ ドウオツホン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Xin hãy cho vào túi.
<input type="checkbox"/>	袋に入れて	シンハイ チョーヴァオトウイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bánh mì
<input type="checkbox"/>	フランスパン(バインミー)	バインミー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Cho cái này vào
<input type="checkbox"/>	これ入れてね	チョー カイナイ ヴァーオ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	patê
<input type="checkbox"/>	パテ	パテ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	thịt hun khói
<input type="checkbox"/>	ハム	ティツ フンホーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ruốc thịt / chả bông
<input type="checkbox"/>	肉でんぶ	ズオックティツ / チャーボン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	lạp xưởng
<input type="checkbox"/>	サラミ	ラップスオーン

<input type="checkbox"/>		dưa góp
<input type="checkbox"/>	なます	ズアゴップ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		pho mát
<input type="checkbox"/>	チーズ	フォーマツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		bánh bao
<input type="checkbox"/>	肉まん	バインバーオ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		bánh gối
<input type="checkbox"/>	ベトナム風ピロシキ	バインゴーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		bánh dây giò
<input type="checkbox"/>	ハムはさみもち	バインザイゾー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		bánh giò
<input type="checkbox"/>	ハム入り米粉蒸し	バインゾー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		xôi
<input type="checkbox"/>	おこわ	ソーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		cháo
<input type="checkbox"/>	おかゆ	チャーオ
<input type="checkbox"/>		
スイーツ・飲み物		
<input type="checkbox"/>		Có~ không?
<input type="checkbox"/>	～はありますか？	コー～コン
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		Có
<input type="checkbox"/>	ある	コー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Không có
<input type="checkbox"/>	ない	ホン コー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		ướp lạnh (không có đá)
<input type="checkbox"/>	アイス(氷なし)	ウオップライン(ホンコーダー)
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		~đá
<input type="checkbox"/>	アイス(氷入り)	～ダー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		nóng
<input type="checkbox"/>	ホット	ノン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		nước suối
<input type="checkbox"/>	ミネラルウォーター	ヌオック スオーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		coca
<input type="checkbox"/>	コーラ	コカ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Sprite
<input type="checkbox"/>	Sprite	スブラーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		nước dừa
<input type="checkbox"/>	ココナッツジュース	ヌオック ズーア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		nước chanh
<input type="checkbox"/>	ライムジュース	ヌオック チャイン
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	牛乳	sữa
				スア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	お茶	trà
				チャー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	コーヒー	cà phê
				カーフェー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	アイスマルクコーヒー	cà phê sữa
				カーフェースア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	乾杯!	Cạn ly/Zo!
				カンリー / ヨー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ビール	bia
				ビア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ルアモイ(ベトナム焼酎)	rượu (lúa mới)
				ジウ(ルアモイ)
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ベトナム焼酎	rượu
				ジウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	赤ワイン	rượu vang đỏ
				ジウヴァンドー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	白ワイン	rượu vang trắng
				ジウヴァンチャン

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～がおいしいお店を教えてください	Chỉ dùng cho tôi quán ~nào ăn ngon
				チ ヅーン チョ トイ クァンヘナオ アン ゴーン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	スイーツ	đồ ngọt
				ドーゴツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	プリン	kem caramen / bánh flan
				ケム カラメン /バンフラン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	アイスクリーム	kem
				ケム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ココナッツアイス	kem dừa
				ケムズーア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	おこわ入りアイス	kem xôi
				ケムソーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	揚げバナナ	chuối chiên
				チュオーイチエン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	チェー (ベトナム風ぜんさい -温かい)	chè nóng
				チェーノン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	チェー (ベトナム風ぜんさい -冷たい)	chè lạnh
				チェーライン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ハスの実の砂糖漬け	mứt sen
				ムッセー

<input type="checkbox"/>		hoa quả / trái cây
<input type="checkbox"/>	果物	ホアクア / チャイカイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		xoài
<input type="checkbox"/>	マンゴー	ソアーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		mãng cụt
<input type="checkbox"/>	マンゴスチン	マンクツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		thanh long
<input type="checkbox"/>	ドラゴンフルーツ	タインロン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		chôm chôm
<input type="checkbox"/>	ランブータン	チョムチョーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		dưa hấu
<input type="checkbox"/>	スイカ	ズアハウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		dâu tây
<input type="checkbox"/>	いちご	ザウタイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		sinh tố
<input type="checkbox"/>	シントー(ベトナム風フルーツ シェーク)	シントー
<input type="checkbox"/>		
買い物		
<input type="checkbox"/>		Bao nhiêu tiền?
<input type="checkbox"/>	いくらですか?	バオニューティエン
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		Giảm giá được không?
<input type="checkbox"/>	まけてくれますか?	ザームザードウオックホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Vui lòng xem cái này.
<input type="checkbox"/>	これを見てください	ヴィロンセムカイナイ
<input type="checkbox"/>		
お金と数字		
<input type="checkbox"/>		không
<input type="checkbox"/>	0	ホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		một
<input type="checkbox"/>	1	モツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		hai
<input type="checkbox"/>	2	ハーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		ba
<input type="checkbox"/>	3	バー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		bốn
<input type="checkbox"/>	4	ボン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		năm
<input type="checkbox"/>	5	ナーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		sáu
<input type="checkbox"/>	6	サウ
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	7	bảy	バイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	8	tám	ターム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	9	chín	チン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	10	mười	ムオーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	11	mười một	ムオーイモッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	12	mười hai	ムオイハーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	13	mười ba	ムオイバー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	14	mười bốn	ムオーイボン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	15	mười lăm	ムオーイラム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	16	mười sáu	ムオーイサウ

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	17	mười bảy	ムオーイバイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	18	mười tám	ムオーイターム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	19	mười chín	ムオーイチン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	□十	mười	ムオーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	□百	trăm	チャム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	□千	nghìn /ngàn	ギーン／ガン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	□万	mười nghìn	ムオイギン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	□十万	trăm nghìn	チャムギン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	□百万	triệu	チウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	□千万	mười triệu	ムオイチウ

<input type="checkbox"/>		Bao nhiêu tiền?
<input type="checkbox"/>	いくらですか？	バオニューティエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		~Đồng Việt Nam
<input type="checkbox"/>	~ベトナムドン	~ドン ヴィエツナーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		~Yên Nhật
<input type="checkbox"/>	~円	~イエン ニヤツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		~Đô la Mỹ (USD)
<input type="checkbox"/>	~アメリカドル	~ドラミー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		~cái
<input type="checkbox"/>	~個	~カーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		~hộp
<input type="checkbox"/>	~箱	~ホップ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		~tờ
<input type="checkbox"/>	~枚	~トー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Giảm giá được không?
<input type="checkbox"/>	安くなりませんか？	ザームザー ドウオックホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Được
<input type="checkbox"/>	できます	ドウオック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Không được
<input type="checkbox"/>	できません	ホンドウオック
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		Mua nhiều thì giảm giá được không?
<input type="checkbox"/>	たくさん買ったらやすくなりますか？	ムアニューティー ザームザードウオックホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Nếu mua nhiều hơn △ cái thì ~VND thôi
<input type="checkbox"/>	△個以上買ってくれたら~ドンでいい	ネウムアニューホン△カーイティー~ヴェツナームドントーイ
<input type="checkbox"/>		
買い物		
<input type="checkbox"/>		muốn mua~
<input type="checkbox"/>	~を買いたい	ムオンムア~
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Chỗ nào bán~
<input type="checkbox"/>	~はどこで買えますか？	チョーナオバン~
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Vui lòng xem quyển sách này.
<input type="checkbox"/>	この本を見てください	ヴィロンセム クエンサックナイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Tôi muốn mua cái này.
<input type="checkbox"/>	これが欲しいのですが	トイムオンムア カイナイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Cái nào bán được nhiều nhất?
<input type="checkbox"/>	一番よく売れてるのはどれですか？	カイナーオ バンドウオックニューニヤツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Muốn xem nhiều loại.
<input type="checkbox"/>	もっといろんな種類を見たい	ムオンセムニューロアイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Vui lòng gói để làm quà.
<input type="checkbox"/>	土産用に包んでください	ヴィロンゴーイ デーラムクア
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		Vui lòng gói vào túi khác.
<input type="checkbox"/>	別々に包んでください	ヴィロンゴーイヴァオ トウイカック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Xin hãy gói cn thận để khỏi vỡ.
<input type="checkbox"/>	壊れないようにしてください	シンハイゴーイ カンタン デー ホーイヴォー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Hãy cho tôi thêm túi đựng.
<input type="checkbox"/>	店の袋を余分にください	ハイチョートイテム トウイドゥン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Cái này bao nhiêu tiền?
<input type="checkbox"/>	これはいくらですか？	カイナイ バオニューティエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đắt
<input type="checkbox"/>	高い	ダッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		rẻ
<input type="checkbox"/>	安い	ゼー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Đắt quá! / Mắc quá!
<input type="checkbox"/>	高すぎる！	ダックア / マックア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Bán giá cố định
<input type="checkbox"/>	定価販売です	バンザー コーディン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Bớt đi!
<input type="checkbox"/>	まけてよ！	ボッディー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Nếu bán ~ bằng đồng thì tôi sẽ mua.
<input type="checkbox"/>	～ドンなら買います	ネウ ～ バンドンティー トイセームア
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		Bán giá như thế thì tôi không có lãi đâu!
<input type="checkbox"/>	その値段では利益ができません！	バンザーディティー トイホンコーライダウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Thế thì tôi mua
<input type="checkbox"/>	じゃあ、買います	テーティー トイムア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Thế thì tôi không mua
<input type="checkbox"/>	じゃあ、いらない	テーティー トイホンムア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Trả bằng thẻ tín dụng được không?
<input type="checkbox"/>	クレジットカードで払えますか？	チャーバンテーティンズン ドウオックホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Dùng thẻ tín dụng thì phải trả lệ phí
<input type="checkbox"/>	カード使用料がかかります	ズンテーティンズンティー ファーイチャーレフィー
<input type="checkbox"/>		
ベトナム雑貨		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Có~ không?
<input type="checkbox"/>	～はありますか？	コー～コン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Cho tôi cái này
<input type="checkbox"/>	これをください	チョートイカイナイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		gốm sứ
<input type="checkbox"/>	陶器	ゴムスー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		gốm sứ Bát tràng
<input type="checkbox"/>	バッチャン焼き	ゴムスーバッチャン
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bộ ấm chén
<input type="checkbox"/>	湯呑みセット		ボ アムチェーン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	tách cà phê
<input type="checkbox"/>	コーヒーカップ		タツ カーフェー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	đĩa
<input type="checkbox"/>	お皿		ディア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Bát / chén
<input type="checkbox"/>	茶碗		バツ / チェン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	khăn bàn
<input type="checkbox"/>	テーブルクロス		カンバン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	lót cốc / lót ly
<input type="checkbox"/>	コースター		ロツ コック / ロツ リー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	khay
<input type="checkbox"/>	おぼん		カイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	lọ hoa
<input type="checkbox"/>	花瓶		ロ ホア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	đũa
<input type="checkbox"/>	箸		ドゥア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	thìa
<input type="checkbox"/>	スプーン		ティーア

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	hạt cà phê
<input type="checkbox"/>	コーヒー豆		ハツ カーフェー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	phin cà phê
<input type="checkbox"/>	コーヒーフィルター		フィン カーフェー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	cốc / ly
<input type="checkbox"/>	グラス		コック / リー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	trà
<input type="checkbox"/>	お茶		チャー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bánh kẹo
<input type="checkbox"/>	お菓子		バインケオ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bưu thiếp
<input type="checkbox"/>	絵はがき		ビューティエツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Cho tôi xem
<input type="checkbox"/>	見てください		チョートイセーム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Cho tôi mua cái mới.
<input type="checkbox"/>	新しいのをください		チョートイムア カイモーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	hàng thủ công mỹ nghệ
<input type="checkbox"/>	手工業品		ハン トゥーコンミーゲ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	hàng sơn mài
<input type="checkbox"/>	漆製品		ハン ソンマーイ

<input type="checkbox"/>		đồ bạc
<input type="checkbox"/>	銀細工	ドーバック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		hàng lụa
<input type="checkbox"/>	シルク製品	ハン ルア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đồ thêu
<input type="checkbox"/>	ししゅう製品	ドーテウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đồ dân tộc thiểu số
<input type="checkbox"/>	少数民族グッズ	ドーザントック ティウソー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		túi
<input type="checkbox"/>	バッグ	トウイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		cái ví / cái bóp
<input type="checkbox"/>	財布	カイ ヴィー / カイ ボッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		hộp đựng trang sức
<input type="checkbox"/>	小物入れ	ホップダウン チャンスック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Có màu khác không?
<input type="checkbox"/>	色違いのものはありますか？	コーマウカックホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Có kiểu khác không?
<input type="checkbox"/>	別のデザインのものはありますか？	コーキウ カックホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đỏ
<input type="checkbox"/>	赤	ドー
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		xanh da trời
<input type="checkbox"/>	青	サインザーチョーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		xanh lá cây
<input type="checkbox"/>	緑	サインラーカイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tím
<input type="checkbox"/>	紫	ティーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		vàng
<input type="checkbox"/>	金	ヴァーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		trắng
<input type="checkbox"/>	白	チャン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đen
<input type="checkbox"/>	黒	デーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		hồng
<input type="checkbox"/>	ピンク	ホーン
<input type="checkbox"/>		
服・オーダーメイド		
<input type="checkbox"/>		Mặc thử được không?
<input type="checkbox"/>	試着していいですか？	マックトウー ドウオックホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		áo dài
<input type="checkbox"/>	アオザイ	アオザーイ
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	スカート	váy
<input type="checkbox"/>		ヴァーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	長袖シャツ	áo dài tay
<input type="checkbox"/>		アオ ザーイタイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	半袖シャツ	áo ngắn tay
<input type="checkbox"/>		アオ ガンタイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	ズボン	quần
<input type="checkbox"/>		クアン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	ジーパン	quần bò
<input type="checkbox"/>		クアンボー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	パンツ	quần lót
<input type="checkbox"/>		クアンロツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	ブラジャー	áo lót
<input type="checkbox"/>		アーオロツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	ノースリーブ	áo sát nách
<input type="checkbox"/>		アオ サツナツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	水着	áo bơi
<input type="checkbox"/>		アオボーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	靴	giày
<input type="checkbox"/>		ザーイ

<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	サンダル	dép
<input type="checkbox"/>		ゼップ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	スカーフ	khăn quàng
<input type="checkbox"/>		カンクアン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	バッグ	túi
<input type="checkbox"/>		トウイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	帽子	mũ
<input type="checkbox"/>		ムー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	日本人に人気	nhieu người Nhật thích
<input type="checkbox"/>		ニューグオイニヤツ ティック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	欧米人に人気	nhieu người Tây thích
<input type="checkbox"/>		ニューグオイタイ ティック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	オーダーで注文	đặt may
<input type="checkbox"/>		ダツマイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	デザインを見せてください	Cho tôi xem thiết kế
<input type="checkbox"/>		チョートイセム ティエツケー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	これと同じように仕立てるのは可能ですか？	May giống như thế này được không?
<input type="checkbox"/>		マイ ゾンニューテーナイ ドウオックホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	生地を見せてください	Cho tôi xem vải
<input type="checkbox"/>		チョートイセムヴァーイ

<input type="checkbox"/>		Tôi thích vải ~.
<input type="checkbox"/>	～の生地がいい	トイティックヴァーイ ～
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	シルク	lụa
<input type="checkbox"/>		ルア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	サテン	phỉ bóng
<input type="checkbox"/>		フィーボン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	オーガンジー	voan
<input type="checkbox"/>		ヴォアン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	ベルベット	nhung
<input type="checkbox"/>		ニュン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	手描き柄	có họa tiết vẽ tay
<input type="checkbox"/>		コーホア ティエツヴェータイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	刺繍が入った	có thêu
<input type="checkbox"/>		コーテウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	ビーズ	cườm
<input type="checkbox"/>		クオーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	ラメ	kim tuyến
<input type="checkbox"/>		キムトゥエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	ここを～にしてください	Hãy làm chỗ này~cho tôi
<input type="checkbox"/>		ハイラム チョーナイ～チョートイ
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		dài hơn
<input type="checkbox"/>	長く	ザーイホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	短く	ngắn lại
<input type="checkbox"/>		ガンライ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	絞って	thắt lại
<input type="checkbox"/>		タッライ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	ゆったりと	rộng hơn
<input type="checkbox"/>		ゾンホーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	いつ仕上がりますか？	Bao giờ lấy được cái này?
<input type="checkbox"/>		バオゾー レイドウオックカイナイ
<input type="checkbox"/>		
仲良くなる		
<input type="checkbox"/>		Rất hân hạnh được gặp bạn
<input type="checkbox"/>	はじめまして	ザッハンハン ドウオツ ガップ バン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	こんにちは	Xin chào
<input type="checkbox"/>		シンチャーオ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	ありがとう	Cám ơn
<input type="checkbox"/>		カームオン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		

自己紹介

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	はじめまして	Rất hân hạnh được gặp bạn
<input type="checkbox"/>				ザッハンハン ドウオッ ガップ バン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	元気ですか？	Có khỏe không?
<input type="checkbox"/>				コー ホエホン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	元気です	Khỏe
<input type="checkbox"/>				ホエー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	あまりすぐれません	Không khỏe lắm
<input type="checkbox"/>				コン ホエラム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	私の名前は～です	Tôi tên là~.
<input type="checkbox"/>				トイテンラー～
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	あなたのお名前は？	Bạn tên là gì?
<input type="checkbox"/>				バン テンラージー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	私は日本人です	Tôi là người Nhật
<input type="checkbox"/>				トイラーグオイニャッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	日本の～から来ました	Tôi từ vùng ~ của Nhật sang.
<input type="checkbox"/>				トイ トウーヴン ～ クーアニャッサン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～と一緒に来ました	Sang đây với ~.
<input type="checkbox"/>				サンディヴォーイ～

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	友だち	bạn
<input type="checkbox"/>				バン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	家族	gia đình
<input type="checkbox"/>				ザーディン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	彼氏	bạn trai
<input type="checkbox"/>				バンチャイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	彼女	bạn gái
<input type="checkbox"/>				バンガーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	何歳ですか？	Bạn bao nhiêu tuổi?
<input type="checkbox"/>				バン パオニュートオイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～歳です	~tuổi
<input type="checkbox"/>				～トオイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	初めてベトナムにきました	Đây là lần đầu tiên tôi sang Việt Nam.
<input type="checkbox"/>				デイラー ランドウティエン トイサンヴィエッサン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～回目です	Đây là lần thứ ~ tôi sang Việt Nam.
<input type="checkbox"/>				デイラー ラントウー ～ トイサンヴィエッサン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ベトナムの～に興味があります	Tôi quan tâm đến ~.
<input type="checkbox"/>				トイクアンタムデン ～
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	旅行の目的は～です	Mục đích du lịch của tôi là ~.
<input type="checkbox"/>				ムッディッ ズリッ クーアトイラー～

<input type="checkbox"/>		thức ăn
<input type="checkbox"/>	食べ物	トゥックアン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		văn hóa
<input type="checkbox"/>	文化	ヴァンホア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		phim
<input type="checkbox"/>	映画	フィーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đi mua đồ
<input type="checkbox"/>	買い物	ディームアドー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		âm nhạc
<input type="checkbox"/>	音楽	アムニャック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		lịch sử
<input type="checkbox"/>	歴史	リックスー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Tôi làm ~.
<input type="checkbox"/>	私は~をしています	トイラム ~
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		sinh viên
<input type="checkbox"/>	学生	シンヴィエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		làm thêm
<input type="checkbox"/>	アルバイト	ラムテーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		nhân viên công ty
<input type="checkbox"/>	会社員	ニャンヴィエン コンティー
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		nghề tự do
<input type="checkbox"/>	フリーランス	ゲートウゾー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		viên chức
<input type="checkbox"/>	公務員	ヴィエンチュツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		nội trợ
<input type="checkbox"/>	主婦	ノイチョ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Tôi đang tìm việc
<input type="checkbox"/>	求職中	トイ ダンティーム ヴィエツ
<input type="checkbox"/>		
仲良くなる		
<input type="checkbox"/>		Xin hãy chỉ cho tôi ~ mà bạn ưa chuộng?
<input type="checkbox"/>	あなたのおすすめの~を教えてください	シンハイチャーチョー トイ ~ マー バンウアチュオン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		nhà hàng
<input type="checkbox"/>	レストラン	ニャーハン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		thức ăn
<input type="checkbox"/>	食べ物	トゥックアン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		khu vực
<input type="checkbox"/>	場所(エリア)	フーヴツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		cà phê
<input type="checkbox"/>	カフェ	カフェー
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		cửa hàng tạp hóa
<input type="checkbox"/>	雑貨店	クアハン タップホア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		cửa hàng quần áo
<input type="checkbox"/>	洋服屋	クアハン クアンアーオ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	あなたは～ですね	Bạn là người ~.
<input type="checkbox"/>		バンラー グオイ ~
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	彼は～	Anh ấy là người ~.
<input type="checkbox"/>		アインエイラー グオイ～
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	彼女は～	Cô ấy là người ~.
<input type="checkbox"/>		コーエイラー グオイ～
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	カッコいい	đẹp trai
<input type="checkbox"/>		デップチャーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	かわいい	đễ thương
<input type="checkbox"/>		ゼートウオーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	美しい	đẹp
<input type="checkbox"/>		デップ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	おもしろい	hay, thú vị
<input type="checkbox"/>		ハイ、トゥーヴィ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	やさしい	hiền
<input type="checkbox"/>		ヒエン
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		tốt
<input type="checkbox"/>	親切	トッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		vui
<input type="checkbox"/>	楽しい	ヴーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đang cảm động
<input type="checkbox"/>	感動している	ダンカームドン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		đang ngạc nhiên
<input type="checkbox"/>	驚いている	ダンガックニエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	あなたに～を送りますね	Gửi cho bạn ~.
<input type="checkbox"/>		グーイ チョーバン ~
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	～を教えてください	Bạn dạy ~ cho tôi nhé
<input type="checkbox"/>		バンザイ ~ チョートイニエー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	手紙	thư
<input type="checkbox"/>		トゥー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	写真	Ảnh / hình
<input type="checkbox"/>		アイン / ヒン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	Eメール	e-mail
<input type="checkbox"/>		イーメオ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	名前	tên
<input type="checkbox"/>		テーン
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	住所	địa chỉ
				ディアチー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	電話番号	số điện thoại
				ソーディエントアイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	これは何ですか？	Cái này là cái gì?
				カイナイラーカイジー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	書いてください	Xin hãy viết vào đây.
				シンハイ ヴィエツヴァオデイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ベトナム語で何といいますか？	Cái này tiếng Việt gọi là gì?
				カイナイ ティンヴィエツゴイラージー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	日本語では～といいます	Cái này tiếng Nhật gọi ~.
				カイナイ ティンニャツゴイ ~
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	お会いできてよかったです	Được gặp bạn rất vui.
				チュンタークンチュップチュンニエー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	一緒に写真を撮りましょう	Chúng ta cùng chụp ảnh nhé.
				チュンター クンチュップアインニエー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	さようなら	Tạm biệt
				タンビエツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	また会いましょう	Hẹn gặp lại
				ヘンガップライ

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ありがとう	Cảm ơn
				カームオン
時間				
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	いま何時ですか？	Bây giờ là mấy giờ
				バイゾーラーマイゾー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～時です	~ giờ
				~ ゾー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	□時△分	□ giờ △phút
				□ゾー△フツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1	một
				モツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2	hai
				ハーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3	ba
				バー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	4	bốn
				ボン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	5	năm
				ナーム

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	6	sáu
				サウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	7	bảy
				バイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	8	tám
				ターム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	9	chín
				チン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	10	mười
				ムオーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	11	mười một
				ムオーイモッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	12	mười hai
				ムオイハーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	13	mười ba
				ムオイバー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	14	mười bốn
				ムオーイボン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	15	mười lăm
				ムオーイラム

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	16	mười sáu
				ムオーイサウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	17	mười bảy
				ムオーイバイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	18	mười tám
				ムオーイターム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	19	mười chín
				ムオーイチン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	20	hai mươi/hai chục
				ハイムオーイ/ハイチュック
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	21	hai mươi một
				ハイムオイ モッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	22	hai mươi hai
				ハイムオイ ハイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	23	hai mươi ba
				ハイムオイ バー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	24	hai mươi bốn
				ハイムオイ ボン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	10分	mười phút
				ムオーイ フッ

<input type="checkbox"/>		hai mươi phút
<input type="checkbox"/>	20分	ハイムオイ フッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		ba mươi phút
<input type="checkbox"/>	30分	バームオイ フッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		bốn mươi phút
<input type="checkbox"/>	40分	ボンムオイ フッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		năm mươi phút
<input type="checkbox"/>	50分	ナムムオイ フッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	朝／朝の	sáng
<input type="checkbox"/>		サン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	午前	buổi sáng
<input type="checkbox"/>		ブーイサーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	午後	buổi chiều
<input type="checkbox"/>		ブーイチウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	夜／夜の	tối
<input type="checkbox"/>		トーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	どのくらい時間がかかりますか？	Mất khoảng bao lâu?
<input type="checkbox"/>		マッ ホアンバオロー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	～時間	～tiếng
<input type="checkbox"/>		～ティエン

<input type="checkbox"/>		～phút
<input type="checkbox"/>	～分	～フッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	～時に起こしてください	Xin hãy gọi tôi dậy lúc ~ giờ.
<input type="checkbox"/>		シンハイゴイトイザイ ルック ～ ゴー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	～時にタクシーを呼んでください	Xin hãy gọi taxi cho tôi lúc ~ giờ.
<input type="checkbox"/>		シン ハイゴイタックシーチョートイ ルック ～ ゴー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	～時に迎えに来てください	Xin hãy đến đón tôi lúc ~ giờ.
<input type="checkbox"/>		シン ハイデンドントイ ルック ～ ゴー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	～時にここを出発します	Xuất phát ở đây lúc ~ giờ.
<input type="checkbox"/>		スアッフアットウーデイ ルック ～ ゴー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	何時に出発しますか？	Mấy giờ sẽ khởi hành?
<input type="checkbox"/>		マイゾー セー ホーイ ハイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	何時に着きますか？	Mấy giờ sẽ tới nơi?
<input type="checkbox"/>		マイゾー セー トイ ナイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	何時に始まりますか？	Bắt đầu từ mấy giờ?
<input type="checkbox"/>		バッドアウトウーマイゾー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	何時に終わりますか？	Đến mấy giờ thì xong?
<input type="checkbox"/>		デンマイゾー ティーソン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	～時に予約を入れてください	Xin hãy đặt chỗ lúc ~ giờ.
<input type="checkbox"/>		シンハイダッチョー ルック ～ ゴー

<input type="checkbox"/>		Tôi đến lúc mấy giờ thì được?
<input type="checkbox"/>	何時に来ればいいですか?	トイデン ルックマイゾーティードウオック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Có kịp không ?
<input type="checkbox"/>	間に合いますか?	コーキップホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		kip
<input type="checkbox"/>	間に合う	キープ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Không kịp
<input type="checkbox"/>	間に合いません	ホン キープ
<input type="checkbox"/>		
日付		
<input type="checkbox"/>		ngày △ tháng ◎
<input type="checkbox"/>	◎月△日	ガイ △ タン ◎
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tháng giêng
<input type="checkbox"/>	1月	タン ジエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tháng hai
<input type="checkbox"/>	2月	タン ハーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tháng ba
<input type="checkbox"/>	3月	タン バー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tháng tư
<input type="checkbox"/>	4月	タン トウー
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		tháng năm
<input type="checkbox"/>	5月	タン ナーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tháng sáu
<input type="checkbox"/>	6月	タン サウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tháng bảy
<input type="checkbox"/>	7月	タン バイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tháng tám
<input type="checkbox"/>	8月	タン ターム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tháng chín
<input type="checkbox"/>	9月	タン チーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tháng mười
<input type="checkbox"/>	10月	タン ムオイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tháng mười một
<input type="checkbox"/>	11月	タン ムオーイモツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tháng mười hai
<input type="checkbox"/>	12月	タン ムオイハーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Thứ hai
<input type="checkbox"/>	月曜日	トゥーハーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Thứ ba
<input type="checkbox"/>	火曜日	トゥーバ
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		Thứ tư
<input type="checkbox"/>	水曜日	トゥートウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Thứ năm
<input type="checkbox"/>	木曜日	トゥーナム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Thứ sáu
<input type="checkbox"/>	金曜日	トゥーサウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Thứ bảy
<input type="checkbox"/>	土曜日	トゥーバイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Chủ nhật
<input type="checkbox"/>	日曜日	チューニャツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	いつベトナムに来ましたか？	Bạn đến Việt Nam bao giờ?
<input type="checkbox"/>		バン デンヴィエットナム バオゾー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	いつ日本に帰りますか？	Bao giờ bạn về Nhật Bản?
<input type="checkbox"/>		バオゾー バンヴェー ニャツバーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		một
<input type="checkbox"/>	1	モツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		hai
<input type="checkbox"/>	2	ハーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		ba
<input type="checkbox"/>	3	バー
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		bốn
<input type="checkbox"/>	4	ボン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		năm
<input type="checkbox"/>	5	ナーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		sáu
<input type="checkbox"/>	6	サウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		bảy
<input type="checkbox"/>	7	バイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tám
<input type="checkbox"/>	8	ターム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		chín
<input type="checkbox"/>	9	チン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		mười
<input type="checkbox"/>	10	ムオーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		mười một
<input type="checkbox"/>	11	ムオーイモツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		mười hai
<input type="checkbox"/>	12	ムオイハーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		mười ba
<input type="checkbox"/>	13	ムオイバー
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	14	mười bốn
<input type="checkbox"/>		ムオーイボン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	15	mười lăm
<input type="checkbox"/>		ムオーイラム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	16	mười sáu
<input type="checkbox"/>		ムオーイサウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	17	mười bảy
<input type="checkbox"/>		ムオーイバイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	18	mười tám
<input type="checkbox"/>		ムオーイターム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	19	mười chín
<input type="checkbox"/>		ムオーイチン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	20	hai mươi /hai chục
<input type="checkbox"/>		ハイムオーイ/ハイチュック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	21	hai mươi một
<input type="checkbox"/>		ハイムオイ モッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	22	hai mươi hai
<input type="checkbox"/>		ハイムオイ ハイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	23	hai mươi ba
<input type="checkbox"/>		ハイムオイ バー
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	24	hai mươi bốn
<input type="checkbox"/>		ハイムオイ ボン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	25	hai mươi năm
<input type="checkbox"/>		ハイムオイ ラーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	26	hai mươi sáu
<input type="checkbox"/>		ハイムオイ サウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	27	hai mươi bảy
<input type="checkbox"/>		ハイムオイ バイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	28	hai mươi tám
<input type="checkbox"/>		ハイムオイ タム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	29	hai mươi chín
<input type="checkbox"/>		ハイムオイ チン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	30	ba mươi
<input type="checkbox"/>		バームオイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	31	ba mươi một
<input type="checkbox"/>		バームオイモッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	祝日	ngày lễ
<input type="checkbox"/>		ガイレー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	定休日	ngày nghỉ
<input type="checkbox"/>		ガイギー
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		hôm qua
<input type="checkbox"/>	昨日	ホムクア
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		hôm nay
<input type="checkbox"/>	今日	ホムナイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		ngày mai
<input type="checkbox"/>	明日	ガイマーイ
<input type="checkbox"/>		
トラブル		
<input type="checkbox"/>		Tôi bị trộm.
<input type="checkbox"/>	盗まれた	トイビチョム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Tôi muốn đi đến bệnh viện.
<input type="checkbox"/>	病院に行きたい	トイムオンディーデン ベンヴィエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		thuốc đau đầu
<input type="checkbox"/>	頭痛薬	トゥオック ダウダウ
<input type="checkbox"/>		
盗難・犯罪		
<input type="checkbox"/>		Tôi bị trộm ~.
<input type="checkbox"/>	~を盗まれました	トイビチョム~
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Tôi bị mất ~.
<input type="checkbox"/>	~をなくしました	トイビマツ~
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		thẻ tín dụng
<input type="checkbox"/>	クレジットカード	テーティンズン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		tiền mặt
<input type="checkbox"/>	おカネ(現金)	ティエンマツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		cái ví / cái bóp
<input type="checkbox"/>	財布	カイ ヴィー / カイ ボッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		hộ chiếu
<input type="checkbox"/>	パスポート	ホ チウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		hành lý
<input type="checkbox"/>	荷物	ハインリー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		máy ảnh
<input type="checkbox"/>	カメラ	マイアイン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Làm ơn cấp lại ~
<input type="checkbox"/>	~の再発行をお願いします	ラムオンカップライ ~
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Được
<input type="checkbox"/>	できます	ドウオック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Tôi muốn giấy xác nhận bị mất cấp.
<input type="checkbox"/>	紛失証明書が欲しいです	トイムオンザイサックニャン ビマツカップ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		Không được
<input type="checkbox"/>	できません	ホンドウオック
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Vui lòng gọi điện đến số này.
<input type="checkbox"/>	ここに電話してください		ヴィロンゴイディエンデン ソーナイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Tôi muốn đi đến ~.
<input type="checkbox"/>	～に行きたい		トイムオンディーデン ~
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Đại sứ quán Nhật Bản/ Tổng lãnh sự quán Nhật Bản
<input type="checkbox"/>	日本大使館/日本総領事館		ダイスクアン ニャッパーン/トンラインスークアン ニャッパーン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	công an
<input type="checkbox"/>	警察		コンアーン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	công ty du lịch
<input type="checkbox"/>	旅行会社		コンティーズリッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Cứu tôi với!
<input type="checkbox"/>	助けてー!		キュートイヴオーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Không cần
<input type="checkbox"/>	いらないよ!		ホンカン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	móc túi
<input type="checkbox"/>	スリ		モックトウイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	trộm cướp
<input type="checkbox"/>	泥棒		チョムクオップ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bị đánh
<input type="checkbox"/>	殴られた		ビダイン

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bị lừa
<input type="checkbox"/>	だまされる		ビルーア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	tai nạn giao thông
<input type="checkbox"/>	交通事故		タイナンザオトン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bị hiếp dâm
<input type="checkbox"/>	レイプされた		ビヒエップザム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Tiền này là tiền giả
<input type="checkbox"/>	これは偽札です		ティエンナイラーティエンザー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	động đất
<input type="checkbox"/>	地震		ドンダッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	lũ lụt
<input type="checkbox"/>	洪水		ルールッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bão
<input type="checkbox"/>	台風		バーオ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	mất điện
<input type="checkbox"/>	停電		マッディエン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	bạo động
<input type="checkbox"/>	暴動		バオドン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Có ai nói được tiếng Nhật không?
<input type="checkbox"/>	日本語を話す人はいますか?		コーアイ ノーイドウオック ティティンニャッホン

<input type="checkbox"/>		Vui lòng gọi phiên dịch cho tôi.
<input type="checkbox"/>	通訳を呼んでください	ヴィロンゴイフィエンジックチョートイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	落ちついて!	Yên tâm đi
<input type="checkbox"/>		イエンタムディー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	心配するな	Đừng lo lắng
<input type="checkbox"/>		ドゥンローラン
薬・病院		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	薬が欲しいです	Tôi muốn thuốc.
<input type="checkbox"/>		トイムオン トウオック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	薬を買ってきてもらえませんか?	Làm ơn mua thuốc hộ tôi
<input type="checkbox"/>		ラムオーン ムアトウオックホトーイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	カゼ薬	thuốc cảm
<input type="checkbox"/>		トウオック カーム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	胃腸薬	thuốc đau dạ dày
<input type="checkbox"/>		トウオック ダウザザイー
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	下痢止め	chống tiêu chảy
<input type="checkbox"/>		チョン ティウチャイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	目薬	thuốc đau mắt
<input type="checkbox"/>		トウオック ダウマツ
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		thuốc giảm sốt
<input type="checkbox"/>	解熱剤	トウオック ザームソツ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	痛み止め	thuốc giảm đau
<input type="checkbox"/>		トウオック ザームダウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	湿布	miếng dán giảm đau
<input type="checkbox"/>		ミエンザン ザームダウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	体温計	cặp nhiệt độ
<input type="checkbox"/>		カップ ニエッド
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	ばんそうこう	băng vết thương
<input type="checkbox"/>		バンヴェットウオン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	1日～回	Một ngày ~ lần
<input type="checkbox"/>		モッガイ ～ ラン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	1回～錠	Mỗi lần uống ~ viên
<input type="checkbox"/>		モイランウオン ～ ヴィエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	食後	sau khi ăn
<input type="checkbox"/>		サウヒーアン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	食前	trước khi ăn
<input type="checkbox"/>		チュオックヒーアン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	就寝前	trước khi ngủ
<input type="checkbox"/>		チュオックヒーグー
<input type="checkbox"/>		

<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	アレルギーがある	có dị ứng
<input type="checkbox"/>		コージウン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	妊娠している	có thai
<input type="checkbox"/>		コーターイ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	病院に行きたいのですが	Tôi muốn đi đến bệnh viện.
<input type="checkbox"/>		トイムオンディーデン ベンヴィエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	日本語は通じますか？	Họ có hiểu được tiếng Nhật không?
<input type="checkbox"/>		ホ コーヒエウドウオツ ティンニャッホン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	海外旅行保険に入っています	Tôi có bảo hiểm du lịch.
<input type="checkbox"/>		トイコー バオヒエムズリッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	～が必要です	Bạn cần ~.
<input type="checkbox"/>		バンカン ～
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	注射	tiêm
<input type="checkbox"/>		ティエム
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	点滴	truyền dịch
<input type="checkbox"/>		チュエンヂッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	入院	nhập viện
<input type="checkbox"/>		ニャップヴィエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	検査	xét nghiệm
<input type="checkbox"/>		セツギエム

<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	手術	phẫu thuật
<input type="checkbox"/>		ファウトウアッ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	血液型	nhóm máu
<input type="checkbox"/>		ニョームマウ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	心配いりません	Không cần lo lắng
<input type="checkbox"/>		ホンカンローラン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	とりあえず寝て様子をみます	Tôi sẽ ngủ để xem tình trạng thế nào
<input type="checkbox"/>		トイセーグーデーセムティンチャン テーナオ
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	いくらですか？	Bao nhiêu tiền?
<input type="checkbox"/>		バオニューティエン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	～をください	Cho tôi~
<input type="checkbox"/>		チョートイ～
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	診断書	bệnh án
<input type="checkbox"/>		ベンアン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	領収書	hóa đơn
<input type="checkbox"/>		ホアドーン
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	処方箋	đơn thuốc
<input type="checkbox"/>		ドントウオック
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>		

症状を伝える

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	～が痛い	đau~
<input type="checkbox"/>				ダウ~
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	具合が悪い	Tôi cảm thấy khó chịu.
<input type="checkbox"/>				トイカムタイ ホーチウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	吐き気がする	buồn nôn
<input type="checkbox"/>				ブオンノーン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	下痢している	bị tiêu chảy
<input type="checkbox"/>				ビ ティウチャイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	食欲がない	không muốn ăn
<input type="checkbox"/>				ホンムオンアン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	熱がある	bị sốt
<input type="checkbox"/>				ビンソツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	めまいがする	chóng mặt
<input type="checkbox"/>				チョンマツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	カゼをひいた	bị cảm
<input type="checkbox"/>				ビカーム
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	疲れた	mệt
<input type="checkbox"/>				メツ

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	体がだるい	mệt mỏi
<input type="checkbox"/>				メツモーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ぜんそく	bệnh hen
<input type="checkbox"/>				ベンヘーン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	虫に刺された	bị côn trùng đốt
<input type="checkbox"/>				ビ コンチュンドッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ネンザした	trượt chân
<input type="checkbox"/>				チェオチャン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	出血する	chảy máu
<input type="checkbox"/>				チャイマウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	生理痛	đau bụng kinh nguyệt
<input type="checkbox"/>				ダウブン キングエツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	貧血	thiếu máu
<input type="checkbox"/>				ティウマウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	デング熱	sốt xuất huyết
<input type="checkbox"/>				ソッスアッフエツ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	虫垂炎	ruột thừa
<input type="checkbox"/>				ズオットウーア
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	鳥インフルエンザ	cúm gà
<input type="checkbox"/>				クムガー

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	食中毒	ngộ độc thức ăn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ゴドッ トウククアン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	頭	đầu
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ダウ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	額	trán
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		チャーン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	目	mắt
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		マッ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	耳	tai
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ターイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	鼻	mũi
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ムーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	口	miệng
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ミエン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	歯	răng
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ザン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	舌	lưỡi
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ルオーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	肩	vai
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ヴァイ

<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	首	cổ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		コー
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	うで	cánh tay
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		カインタイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ひじ	khuỷu tay
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ヒュータイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	胸	ngực
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		グック
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	手	tay
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		タイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	背	lưng
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ルン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	ひざ	đầu gối
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ダウゴーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	腰	lưng
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ルン
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	脚／もも	đùi
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ドゥーイ
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	肛門	hậu môn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		ハウモーン

